

Số: 1540/QĐ-ĐN5

Lâm Đồng, ngày 08 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp:
Cung cấp công cụ dụng cụ phục vụ bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị
Nhà máy thủy điện Đồng Nai 5 năm 2024.

GIÁM ĐỐC CÔNG TY THỦY ĐIỆN ĐỒNG NAI 5 – TKV

Căn cứ Quyết định số 130/QĐ-ĐLTKV ngày 03/02/2016 của Hội đồng quản trị Tổng công ty điện lực TKV-CTCP về việc phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty thủy điện Đồng Nai 5 – TKV, chi nhánh của Tổng công ty điện lực TKV-CTCP;

Căn cứ Quyết định số 586/QĐ-ĐLTKV ngày 22/3/2019 về việc ban hành Quy định về lựa chọn nhà cung cấp vật tư để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và duy trì hoạt động thường xuyên của Tổng Công ty Điện lực TKV-CTCP;

Căn cứ Quyết định số 321/QĐ-DDN5 ngày 08/4/2019 của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV về việc ban hành Quy định về lựa chọn nhà cung cấp vật tư để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và duy trì hoạt động thường xuyên của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV;

Căn cứ văn bản số 1224/ĐLTKV-KH ngày 28/5/2024 của Tổng công ty Điện lực –TKV của về việc giao/Thông qua các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024;

Căn cứ văn bản số 777/QĐ-ĐN5 ngày 31/5/2024 của Công ty thủy điện Đồng Nai 5 – TKV về việc phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 - TKV;

Căn cứ báo cáo đánh giá so sánh hồ sơ báo giá các nhà cung cấp ngày 05/11/2024 của Tổ chuyên gia để lập dự toán;

Theo đề nghị của Tổ chuyên gia tại Tờ trình ngày 06/11/2024 về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp: Cung cấp công cụ dụng cụ phục vụ bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị nhà máy thủy điện Đồng Nai 5 năm 2024;

Căn cứ Báo cáo thẩm định Dự toán và Kế hoạch lựa chọn Nhà cung cấp ngày 08/11/2024 của Tổ thẩm định.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt dự toán chi phí và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp:

Cung cấp công cụ dụng cụ phục vụ bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị nhà máy thủy điện Đồng Nai 5 năm 2024 với các nội dung chính như sau:

1. Tên dự toán mua sắm: Cung cấp công cụ dụng cụ phục vụ bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị nhà máy thủy điện Đồng Nai 5 năm 2024;
2. Chủ đầu tư: Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV;
3. Địa điểm thực hiện giao nhận hàng hóa: Tại Kho Công ty thủy điện Đồng Nai 5-TKV, Thôn 2, xã Lộc Bắc, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.
4. Nguồn vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2024;
5. Thời gian bắt đầu lựa chọn nhà cung cấp: Quý IV năm 2024;
6. Hình thức lựa chọn nhà cung cấp: Chào giá rút gọn theo khoản 2, Điều 3 quy định ban hành theo Quyết định số 586/QĐ-ĐLTKV ngày 22/3/2019;
7. Loại hợp đồng: Trọn gói.
8. Thời gian thực hiện hợp đồng: Trong vòng 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

9. Giá trị dự toán: **293.695.472 đồng** (Bằng chữ: Hai trăm chín mươi ba triệu sáu trăm chín mươi năm nghìn bốn trăm bảy mươi hai đồng). Tại Kho Công ty thủy điện Đồng Nai 5-TKV, Thôn 2, xã Lộc Bắc, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng. Chi tiết như dự toán đính kèm.

Điều 2: Danh sách dự kiến các Nhà cung cấp được mời tham gia chào giá.

I. Năng lực các Nhà cung cấp được mời tham gia chào giá.

1. Công Ty Cổ Phần Đầu Tư RES, Địa chỉ: 263/19/2 Liên Tỉnh 5, Phường 5, Quận 8, TP Hồ Chí Minh.

- Công ty Công Ty Cổ Phần Đầu Tư RES đã được Sở Kế hoạch Đầu tư TP. HCM cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0315797967 đăng ký lần đầu ngày 18/07/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 17/3/2023;

- Nhà thầu hạch toán tài chính độc lập;

- Nhà thầu không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng bị phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

- Nhà cung cấp đã thực hiện các hợp đồng cung cấp hàng hóa đảm bảo tiến độ và chất lượng như Hợp đồng số 31 /2023/HĐSXKD- ĐN5 ngày 20 tháng 3 năm 2023 với giá trị 49.555.000 đồng, Hợp đồng số 35/2023/HĐSXKD- ĐN5 ngày ngày 30 tháng 3 năm 2023 với giá trị 198.825.000 đồng, Hợp đồng số 61/2024/HĐSXKD- ĐN5 ngày 05 tháng 6 năm 2024 với giá trị 76.881.000 đồng.

2. Công ty TNHH Một Thành Viên Vạn Thanh Phát, Địa chỉ: 198/3 Khu Phố 4, Phường Trung Dũng, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

- Công ty TNHH Một Thành Viên Vạn Thanh Phát đã được Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3603682541 đăng ký lần đầu ngày 11/11/2019.

- Nhà thầu hạch toán tài chính độc lập;

- Nhà thầu không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng bị phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

- Nhà cung cấp đã thực hiện các hợp đồng cung cấp hàng hóa đảm bảo tiến độ và chất lượng như Hợp đồng số 60 /2024/HĐSXKD- ĐN5 ngày 05 tháng 6 năm 2024 với giá trị 143.550.000 đồng, Hợp đồng số 81 /2024/HĐSXKD-ĐN5 ngày ngày 20 tháng 8 năm 2024 với giá trị 487.789.910 đồng.

3. Công ty TNHH TMKT Dịch Vụ Việt Khoa, Địa chỉ: 46 Huỳnh Đình Hai, Phường 14, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh.

- Công ty TNHH TMKT Dịch Vụ Việt Khoa đã được Sở Kế hoạch Đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311563372 đăng ký lần đầu ngày 25/02/2012, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 09/11/2017.

- Nhà thầu hạch toán tài chính độc lập;

- Nhà thầu không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng bị phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

- Nhà cung cấp đã thực hiện các hợp đồng cung cấp hàng hóa đảm bảo tiến độ và chất lượng như Hợp đồng số 99 /2023/HĐSXKD- ĐN5 ngày 25 tháng 9 năm 2023 với giá trị 567.777.620 đồng.

4. Công ty TNHH Thiên Minh Bách, Địa chỉ: Thửa đất số 394, tờ bản đồ số 115, Đường Hòa Nam 15, Phường Hòa Minh, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng.

- Công ty TNHH Thiên Minh Bách đã được Sở Kế hoạch Đầu tư TP Đà Nẵng cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0402096735 đăng ký lần đầu ngày 27/4/2021.

- Nhà thầu hạch toán tài chính độc lập;

- Nhà thầu không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng bị phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

- Nhà cung cấp đã thực hiện các hợp đồng cung cấp hàng hóa đảm bảo tiến độ và chất lượng như Hợp đồng số 72 /2022/HĐSXKD- ĐN5 ngày 30 tháng 12 năm 2022 với giá trị 45.056.000 đồng, Hợp đồng số 55 /2024/HĐSXKD- ĐN5 ngày 28 tháng 5 năm 2024 với giá trị 48.816.000 đồng.

5. Công Ty TNHH TM & DV Thiên Thiên Phú, Địa chỉ: Số 243/10 Hà Giang, Phường Lộc Sơn, TP Bảo Lộc, Lâm Đồng.

- Công Ty TNHH TM & DV Thiên Thiên Phú đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5801444729 đăng ký lần đầu ngày 08/10/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 07/6/2023.

- Nhà thầu hạch toán tài chính độc lập;

- Nhà thầu không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng bị phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

- Nhà cung cấp đã thực hiện các hợp đồng cung cấp hàng hóa đảm bảo tiến độ và chất lượng như Hợp đồng số 71 /2024/HĐSXKD- ĐN5 ngày 18 tháng 07 năm 2024 với giá trị 177.945.995 đồng, Hợp đồng số 49/2023/HĐSXKD- ĐN5 ngày 28 tháng 4 năm 2023 với giá trị 171.590.100 đồng.

Điều 3: Giao cho Phòng Kế hoạch Đầu tư – Vật tư và Tổ chuyên gia, Tổ

thẩm định lựa chọn nhà cung cấp thực hiện các bước lựa chọn nhà cung cấp đúng theo quy định của Công ty và Tổng Công ty, Giao cho phòng Kỹ thuật nghiệm thu theo quy định.

Điều 4: Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các ông Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các phòng liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Trang Website TKV (để đăng tải);
- Trang Website TCT (để đăng tải);
- Lưu: VT, TCKT, KHĐT, (D02).



GIÁM ĐỐC

Trần Văn Tuấn

97
N
Y
G
K
T

PHỤ LỤC
BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ DỰ TOÁN

(Kèm theo QĐ số 1540/QĐ-ĐN5 ngày 8 tháng 11 năm 2024 của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV)

STT	Tên hàng hóa vật tư thiết bị	Quy cách vật tư thiết bị	Hãng sản xuất/Xuất xứ	Đơn vị	Số Lượng	Đơn giá chưa VAT	Thành Tiền chưa thuế VAT	Thuế suất GTGT (%)	Thuế GTGT	Thành tiền đã Thuế VAT	TG Bảo hành
1	Súng đo nhiệt độ bằng hồng ngoại FLUKE	Súng đo nhiệt độ bằng hồng ngoại FLUKE 568 (800°C)	Fluke/China	Cái	1	17.570.000	17.570.000	8%	1.405.600	18.975.600	12 tháng
2	Ampe kim Kyoritsu 2046R	Kyoritsu 2046R	Kyoritsu/Thai Lan	Cái	2	7.107.800	14.215.600	8%	1.137.248	15.352.848	12 tháng
3	Súng xịt khí nén Top Top, đầu dài PA-754-DG-10B	PA-754-DG-10B	Top/China	Cái	5	190.400	952.000	8%	76.160	1.028.160	
4	Thang nhôm chữ A	Thang nhôm rút đa năng Nikita Model: Nikita AI80	Nikita/Việt Nam	cái	1	5.810.000	5.810.000	10%	581.000	6.391.000	
5	Đèn pin xách tay KLARUS RS10 LED SST40	RS10 LED SST40	Klarus/China	Cái	5	1.260.000	6.300.000	8%	504.000	6.804.000	6 tháng
6	Lò xo luôn uốn ống D16 Việt Nam	D16	TL/Việt Nam	Cái	3	30.800	92.400	10%	9.240	101.640	
7	Bộ lục giác 9 cây Stanley 69-256 Stanley	Stanley 69-256	Stanley/China	Cái	2	383.600	767.200	10%	76.720	843.920	
8	Thước dây 5m cuộn stanlye	Stanley STHT30696-8 5m	Stanley/China	Cái	5	190.400	952.000	10%	95.200	1.047.200	
9	Thước dây 10m lá cuộn stanlye	FatMax Stanley 33-805	Stanley/China	Cái	3	621.600	1.864.800	10%	186.480	2.051.280	

STT	Tên hàng hóa vật tư thiết bị	Quy cách vật tư thiết bị	Hãng sản xuất/Xuất xứ	Đơn vị	Số Lượng	Đơn giá chưa VAT	Thành Tiền chưa thuế VAT	Thuế suất GTGT (%)	Thuế GTGT	Thành tiền đã Thuế VAT	TG Bảo hành
10	Máy siết bu lông dùng pin Makita DTW181RFE	DTW181RF E	Makita/China	Cái	1	8.808.800	8.808.800	8%	704.704	9.513.504	12 tháng
11	Lưới cửa sắt 2 mặt màu đen 30cm	30cm	Tolsen/China	Cái	5	56.000	280.000	10%	28.000	308.000	
12	Bộ vá xe máy (gồm bơm tay, 3 cây nạy vò, 1 miếng nhám, 1 hộp keo và 24 miếng vá)		Việt Nam	Bộ	1	217.000	217.000	10%	21.700	238.700	
13	Kéo cắt tôn MAXSTEEL 12in/300mm STANLEY 14-558-22	12in/300mm STANLEY 14-558	Stanley/China	Cái	2	541.800	1.083.600	10%	108.360	1.191.960	
14	Máy cắt sắt tấm có 2 đầu cắt - Dụng cụ cắt sắt tấm thay thế máy cắt sắt cầm tay gắn vào đầu máy khoan		ST/Việt Nam	Cái	1	168.000	168.000	10%	16.800	184.800	
15	Thước dây 50m vạch kaidan Niigata Seiki, GFM-50KD	GFM-50KD	Niigata Seiki/Nhật	Cái	2	1.986.600	3.973.200	8%	317.856	4.291.056	
16	Tấm che mặt bảo vệ TOTAL TSP610	TOTAL TSP610	TOTAL/China	Cái	5	165.200	826.000	8%	66.080	892.080	
17	Máy cân mực laser tia Bosch GLL 5-50X	GLL 5-50X	Bosch/China	Cái	1	5.682.600	5.682.600	8%	454.608	6.137.208	12 tháng
18	Máy đo khoảng cách laser Bosch GLM 40	Bosch GLM 40	Bosch/China	Cái	1	2.800.000	2.800.000	8%	224.000	3.024.000	12 tháng
19	Bạt xanh cam loại dày Việt Nam, khổ 8mx20m	khổ 8mx20m	Cali/Việt Nam	Tấm	5	3.640.000	18.200.000	8%	1.456.000	19.656.000	
20	Kích thủy lực 3 tấn KENBO	KENBO	Kenbo/China	Cái	2	1.400.000	2.800.000	10%	280.000	3.080.000	

STT	Tên hàng hóa vật tư thiết bị	Quy cách vật tư thiết bị	Hãng sản xuất/Xuất xứ	Đơn vị	Số Lượng	Đơn giá chưa VAT	Thành Tiền chưa thuế VAT	Thuế suất GTGT (%)	Thuế GTGT	Thành tiền đã Thuế VAT	TG Bảo hành
21	Kéo cắt ống nhựa Truper 12867	Truper 12867	Truper/China	Cái	3	490.000	1.470.000	8%	117.600	1.587.600	
22	Kìm cắt mini 125mm MNK-125 Tsunoda	MNK-125	Tsunoda/Nhật	Cái	5	445.200	2.226.000	10%	222.600	2.448.600	
23	Bộ tuốc nơ vít (tô vít) 18 chỉ tiết Total THT250618	Total THT250618	TOTAL/China	Cái	1	320.600	320.600	10%	32.060	352.660	
24	Bộ vít cách điện 13 món Tolsen 38016	Tolsen 38016	Tolsen/China	Cái	1	863.800	863.800	10%	86.380	950.180	
25	Kìm nhon Goodman 8 inch	Goodman 8 inch	Goodman/China	Cái	3	196.000	588.000	10%	58.800	646.800	
26	Kìm chét KTC- Nhật Bản, 10WR	10WR	KTC/Nhật	Cái	2	908.600	1.817.200	10%	181.720	1.998.920	
27	Tua vít dẹp Crossman 5x250mm	Crossman 5x250mm	Crossman/Chin a	Cái	3	91.000	273.000	10%	27.300	300.300	
28	Tuavit dẹp đầu nhỏ Crossman phi 4 dài 150mm	Crossman phi 4 dài 150mm	Crossman/Chin a	Cái	3	133.000	399.000	10%	39.900	438.900	
29	Tuavit bake đầu nhỏ Crossman phi 4 dài 150mm	Crossman phi 4 dài 150mm	Crossman/Chin a	Cái	3	133.000	399.000	10%	39.900	438.900	
30	Kìm điện Goodman 8 inch	8 inch	Goodman/China	Cái	3	252.000	756.000	10%	75.600	831.600	
31	Kìm cắt Goodman 8 inch	8 inch	Goodman/China	Cái	3	277.200	831.600	10%	83.160	914.760	
32	Mũi khoan Inốc phi 4 nachi	phi 4	Nachi/Nhật	Cái	6	84.000	504.000	10%	50.400	554.400	
33	Mũi khoan Inốc phi 5 nachi	phi 5	Nachi/Nhật	Cái	6	106.400	638.400	10%	63.840	702.240	
34	Mũi khoan Inốc phi 6 nachi	phi 6	Nachi/Nhật	Cái	6	149.800	898.800	10%	89.880	988.680	
35	Mũi khoan Inốc phi 8 nachi	phi 8	Nachi/Nhật	Cái	6	211.400	1.268.400	10%	126.840	1.395.240	
36	Mũi khoan Inốc phi 10 nachi	phi 10	Nachi/Nhật	Cái	6	344.400	2.066.400	10%	206.640	2.273.040	
37	Mũi khoan sắt phi 2	phi 2	Nachi/Nhật	Cái	6	42.000	252.000	10%	25.200	277.200	
38	Mũi Khoan sắt phi 12	phi 12	Nachi/Nhật	Cái	5	299.600	1.498.000	10%	149.800	1.647.800	
39	Mũi khoan sắt phi 14	phi 14	Nachi/Nhật	Cái	5	690.200	3.451.000	10%	345.100	3.796.100	

STT	Tên hàng hóa vật tư thiết bị	Quy cách vật tư thiết bị	Hãng sản xuất/Xuất xứ	Đơn vị	Số Lượng	Đơn giá chưa VAT	Thành Tiền chưa thuế VAT	Thuế suất GTGT (%)	Thuế GTGT	Thành tiền đã Thuế VAT	TG Bảo hành
40	Mũi khoan sắt φ 18	φ 18	Nachi/Nhật	Cái	5	1.870.400	9.352.000	10%	935.200	10.287.200	
41	Mũi Khoan sắt φ 20	φ 20	Nachi/Nhật	Cái	5	2.240.000	11.200.000	10%	1.120.000	12.320.000	
42	Mũi khoan sắt φ 22	φ 22	Nachi/Nhật	Cái	5	2.660.000	13.300.000	10%	1.330.000	14.630.000	
43	Mũi khoét sắt φ 18 hộp kim UniFast	φ 18	UniFast/China	Cái	2	490.000	980.000	10%	98.000	1.078.000	
44	Mũi khoét sắt φ 20	φ 20	Thắng Lợi/Việt Nam	Cái	2	2.240.000	4.480.000	10%	448.000	4.928.000	
45	Mũi khoan sắt φ 22 nachi	φ 22	Nachi/Nhật	Cái	2	2.660.000	5.320.000	10%	532.000	5.852.000	
46	Mũi khoan sắt φ 25 nachi	φ 25	Nachi/Nhật	Cái	2	3.500.000	7.000.000	10%	700.000	7.700.000	
47	Súng bơm mỡ cầm tay 800cc Yato YT 07043	YT 07043	Yato/China	Cái	2	672.000	1.344.000	10%	134.400	1.478.400	
48	Xà beng 1.5m	1.5m	Tolsen/China	Cái	5	1.960.000	9.800.000	10%	980.000	10.780.000	
49	Bút xóa CP-02	CP-02	TL/Việt Nam	Cái	20	28.000	560.000	10%	56.000	616.000	
50	Chổi cước thông ống	φ6	TL/Việt Nam	Cái	30	277.200	8.316.000	10%	831.600	9.147.600	
51	Máy Tia Cành Makita DUH602RT	Makita DUH602RT	Makita/China	Cái	1	12.828.200	12.828.200	8%	1.026.256	13.854.456	12 tháng
52	Dây cáp cầu hàng 2 tấn 6M: IS273	IS273 .2 tấn 6M	Mekong/ Việt Nam	Sợi	4	1.120.000	4.480.000	8%	358.400	4.838.400	
53	Đầu bơm mỡ bò ốc đầu nhọn Đài Loan	chiều dài 40mm .đầu ren 10mm	Taiwan	Cái	5	280.000	1.400.000	10%	140.000	1.540.000	
54	Rulo cuốn ống hơi khí nén model : VRA - 830ST	VRA - 830ST	Thibivina/Việt Nam	Cái	1	4.200.000	4.200.000	8%	336.000	4.536.000	
55	BỘ ĐẦU NỐI DÂY HƠI PHI 8 XIẾT DÂY NHANH RISISUN	24002613, ID: 2613	Taiwan	Bộ	5	22.400	112.000	10%	11.200	123.200	
56	Ma ní omega chốt vận ren 2 tấn KAWASAKI-G209-2T	KAWASAKI I-G209-2T	KAWASAKI/China	Cái	2	385.000	770.000	10%	77.000	847.000	
57	RULO cuốn ống dây 100M		Việt Nam	Cái	2	910.000	1.820.000	10%	182.000	2.002.000	
58	Nguồn meanwell SDR-240-24	SDR-240-24	Meanwell/China	Cái	2	3.206.000	6.412.000	10%	641.200	7.053.200	12 tháng

STT	Tên hàng hóa vật tư thiết bị	Quy cách vật tư thiết bị	Hãng sản xuất/Xuất xứ	Đơn vị	Số Lượng	Đơn giá chưa VAT	Thành Tiền chưa thuế VAT	Thuế suất GTGT (%)	Thuế GTGT	Thành tiền đã Thuế VAT	TG Bảo hành
59	Cuộn dây điện rulo 40M YATO YT-8107	YATO YT-8107	Yato/China	Cuộn	2	5.810.000	11.620.000	8%	929.600	12.549.600	
60	Bộ tuýp Kingtony 1/2" hoa thị 4206MR01-24, chỉ tiết, 10-32mm	4026MR01-24, chỉ tiết, 10-32mm	Kingtony/China	Bộ	3	2.546.600	7.639.800	10%	763.980	8.403.780	
61	Kìm cắt cáp cơ 400 mm2 TLP HHD-500L	400 mm2 TLP HHD-500L	TLP /China	Cái	1	2.380.000	2.380.000	10%	238.000	2.618.000	
62	Dây xích và lam gắn lưới cửa xích Máy cưa xích yataka 5900	yataka 5900	Yataka/China	Bộ	2	1.162.000	2.324.000	10%	232.400	2.556.400	
63	Dũa xích máy cưa STIHL	4.8 mm - 3/16	Stihl/China	Cái	2	36.400	72.800	10%	7.280	80.080	
64	Ghế chân quỳ hòa phát 9700M	9700M	Hòa Phát/Việt Nam	Cái	5	3.595.200	17.976.000	8%	1.438.080	19.414.080	
65	Quạt chạy pin makita 18v 22W kèm theo pin	18v 22W	Makita/China	Cái	2	3.220.000	6.440.000	8%	515.200	6.955.200	12 tháng
66	Khoá cửa việt tiếp 80mm	80mm	Việt Tiếp/Việt Nam	Cái	10	350.000	3.500.000	10%	350.000	3.850.000	
Tổng cộng							269.511.200		24.184.272	293.695.472	

(Bảng chữ: Hai trăm chín mươi ba triệu sáu trăm chín mươi năm nghìn bốn trăm bảy mươi hai đồng).